



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÀ VIỆT THÁI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

Trụ sở chính: Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
ngõ 299 phố Trung Kinh, Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội
Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 – 19

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán,
Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo của Ban Giám đốc**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái (sau đây viết tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp là 4600483821.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 10 năm 2014, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: *Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ*

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ của Công ty: 81.124.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu đồng)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính**Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:**

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Dương Cao Sơn	Thành viên
Ông You Guang Lun	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
---------------------	----------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán,
Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 04 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC ANH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số : 320A.1./BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái, được lập ngày 12 tháng 04 năm 2015, từ trang 5 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K



NGUYỄN TRUNG KIẾN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1129-2014-045-01

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1706-2014-045-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		29.626.861.487	46.025.434.074
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		82.054.363	385.748.545
1	Tiền	111	V.01	82.054.363	385.748.545
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.077.563.100	24.332.515.107
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	10.077.563.100	9.545.944.107
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	14.000.000.000	14.036.645.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136		-	749.926.000
IV	Hàng tồn kho	140	V.04	5.084.803.083	19.467.619.465
1	Hàng tồn kho	141		5.084.803.083	19.467.619.465
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		382.440.941	1.839.550.957
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		382.440.941	1.839.550.957
B	Tài sản dài hạn	200		15.006.888.086	10.497.215.384
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		-	4.653.336
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	-	4.653.336
	- Nguyên giá	222		34.900.000	34.900.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.900.000)	(30.246.664)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		462.566.494	457.913.158
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	462.566.494	457.913.158
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	14.520.000.000	10.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		7.500.000.000	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.020.000.000	10.000.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		24.321.592	34.648.890
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	24.321.592	34.648.890
	Tổng cộng tài sản	270		44.633.749.573	56.522.649.458

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	300		9.512.150.245	23.497.080.384
I	Nợ ngắn hạn	310		9.512.150.245	23.497.080.384
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	3.585.738.012	19.764.381.414
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	576.412.233	222.698.970
4	Phải trả người lao động	314		50.000.000	-
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	5.300.000.000	3.510.000.000
II	Nợ dài hạn	330		-	-
D	Vốn chủ sở hữu	400		35.121.599.328	33.025.569.074
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.12	35.121.599.328	33.025.569.074
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.236.000.000	32.236.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.236.000.000	32.236.000.000
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.885.599.328	789.569.074
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		789.569.074	(213.532.813)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.096.030.254	1.003.101.887
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		44.633.749.573	56.522.649.458

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRỊNH THỊ TÂM

TRẦN DANH TRỌNG

NGUYỄN NGỌC ANH

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	35.062.096.631	34.094.112.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		35.062.096.631	34.094.112.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.321.055.031	32.845.163.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.741.041.600	1.248.949.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	472.131.694	72.914.233
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		167.929.917	1.823.975
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		358.025.103	94.238.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		2.687.218.274	1.225.800.857
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.687.218.274	1.225.800.857
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	591.188.020	222.698.970
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.096.030.254	1.003.101.887

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRỊNH THỊ TÂM

TRẦN DANH TRỌNG

NGUYỄN NGỌC ANH



Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	2.687.218.274	1.225.800.857
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	4.653.336	6.942.457
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(472.131.694)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	2.219.739.916	1.232.743.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	1.712.062.023	(23.943.507.225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.382.816.382	(19.467.619.465)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(14.338.618.159)	19.764.381.414
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(10.327.298)	(29.827.939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(237.500.000)	
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(1.773.998.740)	(79.856.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	1.954.174.124	(22.523.686.591)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.520.000.000)	(12.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000.000	2.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	472.131.694	72.914.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.047.868.306)	(9.927.085.767)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	24.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	12.800.000.000	15.946.000.000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.010.000.000)	(9.200.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.790.000.000	30.746.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(303.694.182)	(1.704.772.358)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	385.748.545	2.090.520.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	82.054.363	385.748.545

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Giám đốc

TRỊNH THỊ TÂM

TRẦN DANH TRỌNG

NGUYỄN NGỌC ANH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái (sau đây viết tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp là 4600483821.

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ của Công ty: 81.124.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (gia công, tuyển luyện than; sản xuất vật liệu hàn; chế biến phế liệu phế thải kim loại, bụi xi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện);
- Phá dỡ
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (gỗ cây và gỗ chế biến, tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim);
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị khai thác mỏ và luyện kim);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mua bán hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), phế liệu phế thải kim loại (trừ gay ô nhiễm môi trường), bụi xi, phân bón)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kim loại quý, vàng bạc, bạch kim, sắt thép);
- Xây dựng nhà các loại
- Bán buôn thực phẩm (bán buôn chè);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ)
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mà công ty kinh doanh);
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và luyện kim);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trồng nấm, mộc nhĩ);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội; dịch vụ cầm đồ);
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Chăn nuôi gia cầm
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Khai thác và thu gom than cứng
- ...

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được theo dõi chi tiết cho từng công trình căn cứ vào chứng từ phát sinh của công trình đó.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại ngày 31/12/2015 không có khoản hàng tồn kho cần trích lập dự phòng

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

6. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

7.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

7.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

9.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

9.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị

5 năm

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	55.301.776	377.907.145
Tiền gửi ngân hàng	26.752.587	7.841.400
Cộng	82.054.363	385.748.545

2 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.077.563.100	9.545.944.107
Công ty CP Đầu tư phát triển KSH	-	9.545.944.107
Công ty CP Solavina	10.077.563.100	-
Cộng	10.077.563.100	9.545.944.107

3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Long Anh	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP Thương mại và XNK Thăng Long	-	36.645.000
Cộng	14.000.000.000	14.036.645.000

4 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	5.084.803.083	-	19.467.619.465	-
Cộng	5.084.803.083	-	19.467.619.465	-

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư đầu năm	34.900.000	34.900.000
- Mua trong năm		-
Số dư cuối quý	34.900.000	34.900.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	30.246.664	30.246.664
- Khấu hao trong năm	4.653.336	4.653.336
Số dư cuối quý	34.900.000	34.900.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
1. Tại ngày đầu năm	4.653.336	4.653.336
2. Tại ngày cuối năm	-	-

6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng văn phòng	462.566.494	457.913.158
Cộng	462.566.494	457.913.158

7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Công ty CP Nông sản Nam Á	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.020.000.000	7.020.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP SXVL Long An	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH ĐT&TM Chương Dương	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Việt Nhật	3.420.000.000	3.420.000.000	-	-
Công ty CP thủy sản Sông Công	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-
Cộng	14.520.000.000	14.520.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

8 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.321.592	34.648.890
Cộng	24.321.592	34.648.890

9 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
9.1. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.585.738.012	3.585.738.012	19.764.381.414	19.764.381.414
Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	3.585.738.012	3.585.738.012	-	-
Công ty TNHH MTV XD&TM Nam Khánh	-	-	19.764.381.414	19.764.381.414
Cộng	3.585.738.012	3.585.738.012	19.764.381.414	19.764.381.414

10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.506.209.664	3.506.184.421	25.243
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	222.698.970	591.188.020	237.500.000	576.386.990
Cộng	222.698.970	4.097.397.684	3.743.684.421	576.412.233

1

Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1. Vay ngắn hạn	5.300.000.000	5.300.000.000	12.800.000.000	11.010.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000
Nguyễn Hồng Quang	-	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000
Nguyễn Thị Kim Nhung	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Kim Dung	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Anh	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Cộng	5.300.000.000	5.300.000.000	12.800.000.000	11.010.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000

(1) Bao gồm các hợp đồng vay

Hợp đồng vay vốn số 01/201015/VV/NKN-NHVT ngày 20/10/2015, thời hạn 06 tháng, lãi suất 0%

Hợp đồng vay vốn số 02/201015/VV/NKD-NHVT ngày 20/10/2015, thời hạn 06 tháng, lãi suất 0%

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt TháiĐịa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán,
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12. Vốn chủ sở hữu**12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3
- Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	(213.532.813)	4.786.467.187
- Tăng vốn trong năm trước	27.236.000.000	-	27.236.000.000
- Lãi tăng trong năm trước	-	1.003.101.887	1.003.101.887
- Số dư cuối năm trước	32.236.000.000	789.569.074	33.025.569.074
- Số dư đầu năm nay	32.236.000.000	789.569.074	33.025.569.074
- Lãi tăng trong năm nay	-	2.096.030.254	2.096.030.254
Số dư cuối năm nay	32.236.000.000	2.885.599.328	35.121.599.328

12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Chế biến thực phẩm nông sản XK Nam Định	1.500.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất XNK NHP	-	2.000.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	-	16.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	1.000.000.000	-
- Nguyễn Hồng Quang	3.840.000.000	3.750.000.000
- Các cá nhân khác	25.896.000.000	7.486.000.000
Cộng	32.236.000.000	32.236.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.236.000.000	32.236.000.000
+ Vốn góp đầu năm	32.236.000.000	5.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	27.236.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	32.236.000.000	32.236.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	35.062.096.631	34.094.112.825
Cộng	35.062.096.631	34.094.112.825

2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.321.055.031	32.845.163.753
Cộng	32.321.055.031	32.845.163.753

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	272.131.694	72.914.233
Lãi chuyển nhượng cổ phần	200.000.000	-
Cộng	472.131.694	72.914.233

4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.687.218.274	1.225.800.857
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế - chuyển lỗ	-	(213.532.813)
Thu nhập chịu thuế	2.687.218.274	1.012.268.044
Thuế TNDN phải nộp - 22%	591.188.020	222.698.970
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)	591.188.020	222.698.970

Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái

Địa chỉ: Tổ 10, đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT	Công ty vay tiền		3.510.000.000
		Công ty trả tiền	3.510.000.000	
		Hoàn ứng	472.800.000	
Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Hoàn ứng	277.126.000	
Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	Công ty vay tiền	7.500.000.000	
		Công ty trả tiền	7.500.000.000	

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT	Vay ngắn hạn	-	3.510.000.000
Ông Nguyễn Hồng Quang		Tạm ứng	-	472.800.000
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	-	277.126.000

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

TRỊNH THỊ TÂM

Kế toán trưởng

TRẦN DANH TRỌNG

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC ANH